

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày 18 - 7 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Sơn
2. Ông Phạm Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình C, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà x, thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông C ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2018), bà D có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh T, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Tố N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk , đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Đình C và bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:

Xuất phát từ quan hệ mua bán cà phê nhân xô với vợ chồng ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N từ năm 2013 đến năm 2015, đến ngày 24/10/2015 hai bên đối chiếu xác nhận công nợ vợ chồng ông T, bà N còn nợ ông C, bà D 270.000.000đ, ông T, bà N xin trả dần. Đến năm 2016 ông T, bà N đã trả cho

ông C, bà D được 70.000.000đ, còn nợ 200.000.000đ. Ông C, bà D đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà N chưa trả, nay ông C, bà D yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà N phải trả ông bà số tiền 200.000.000đ còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Huỳnh T và bà Trần Thị Tố N trình bày:

Ông T, bà N có quan hệ mua bán cà phê nhân xô với vợ chồng ông C, bà D thời gian khoảng 7 - 8 năm, đến năm 2015 hai bên đối chiếu công nợ. Ông T, bà N còn nợ ông C, bà D 270.000.000đ. Trong năm 2016 ông bà đã trả ông C, bà D được 70.000.000đ. Ông bà xác định hiện nay còn nợ của vợ chồng ông C, bà D số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Nay gia đình kinh tế rất khó khăn chưa có trả ngay được công nợ, đề nghị ông C, bà D cho trả nợ dần mỗi năm 50.000.000đ. Nếu gia đình ông bà lấy được tiền nợ thì sẽ trả nợ sớm hơn.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”. Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 430, Điều 440 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa nguyên đơn ông Trần Đình C, bà Huỳnh Thị Mỹ D và bị đơn ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N có quan hệ mua bán cà phê, bị đơn còn nợ tiền mua chưa trả nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”. Bị đơn cư trú tại thôn H, xã E, huyện K nên Tòa án nhân dân huyện

Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Trần Đình C, bà Huỳnh Thị Mỹ D yêu cầu bị đơn ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N phải trả số tiền còn nợ 200.000.000đ, đã giao nộp chứng cứ là giấy xác nhận công nợ (bản gốc) và không yêu cầu tiền lãi. Bị đơn ông T, bà N cũng thừa nhận hiện ông bà còn nợ ông C, bà D số tiền 200.000.000đ, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà đề nghị ông C, bà D cho trả dần trong thời hạn 04 năm. Tuy nhiên, ý kiến đề nghị của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý.

Xét hợp đồng giữa các đương sự được giao kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của BLDS năm 2015 nên áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 để giải quyết. Căn cứ Điều 430; 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N phải trả cho nguyên đơn ông C, bà D số tiền nợ gốc 200.000.000đ là phù hợp pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông T, bà N phải chịu án phí DSST là 10.000.000^d.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, **điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147** của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình C, bà Huỳnh Thị Mỹ D.

Buộc ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N phải trả cho ông Trần Đình C, bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Huỳnh T, bà Trần Thị Tố N phải chịu án phí DSST là 10.000.000^d (mười triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Đình C, bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí DSST 5.000.000^d (*năm triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 5647 ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên